

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1057/NQ-UBTVQH15

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2024

VAN PHÒNG UBND T. LANG SƠN
Số:.....
ĐẾN Ngày 01.6.24
Chuyên:.....

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương từ dự phòng chung, dự phòng ngân sách trung ương của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn năm 2024 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương để thực hiện các nhiệm vụ, dự án đã hoàn thiện thủ tục đầu tư

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 29/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, số 72/2020/QH14 và số 03/2022/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, số 93/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023 về phân bổ vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2023 của các Chương trình mục tiêu quốc gia, số 106/2023/QH15 ngày 28 tháng 11 năm 2023 về thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ và số 112/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 về việc sử dụng dự phòng chung, dự phòng nguồn ngân sách trung ương của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cho các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 40/2023/NQ-UBTVQH15 ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2022; phân bổ, sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi thường xuyên của ngân sách trung ương năm 2022;

Sau khi xem xét các Tờ trình số 172 /TTr-CP ngày 20 tháng 4 năm 2024 và Báo cáo số 07/TTr-CP ngày 20 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ, Báo cáo thẩm

tra số 2031/BC-UBTCNS15 ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban Tài chính, Ngân sách và Báo cáo tiếp thu, giải trình số 229/BC-CP ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

Phân bổ 6.389 tỷ đồng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, bao gồm:

1. Phân bổ 4.689 tỷ đồng dự phòng chung nguồn ngân sách trung ương của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tương ứng với nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022 cho Bộ Giao thông vận tải và tỉnh Sơn La để thực hiện dự án đã được báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp bất thường lần thứ 5, Quốc hội khóa XV.

2. Phân bổ 1.700 tỷ đồng trong tổng số vốn 15.746,187 tỷ đồng dự phòng của Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 quy định tại Nghị quyết số 93/2023/QH15 cho tỉnh Sơn La để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến qua tỉnh Sơn La.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này)

Điều 2. Bổ sung dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công ngân sách trung ương năm 2024

Bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và phân bổ vốn ngân sách trung ương năm 2024 là 5.457,739 tỷ đồng từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương để thực hiện các nhiệm vụ, dự án đã được giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tại Nghị quyết số 112/2024/QH15 của Quốc hội.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Thủ tướng Chính phủ quyết định và chịu trách nhiệm trong việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tại Điều 1 của Nghị quyết này chi tiết cho từng nhiệm vụ, dự án; giao dự toán và kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2024 cho các Bộ, địa phương tại Điều 2 của Nghị quyết này theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các Nghị quyết của Quốc hội.

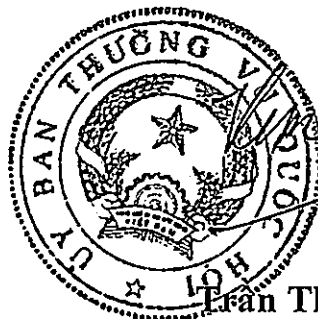
2. Giao Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo đúng tiến độ và quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các Nghị quyết của Quốc hội.

3. Ủy ban Tài chính, Ngân sách, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban khác của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội và Kiểm toán nhà nước, trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình, giám sát, kiểm toán việc thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 3;
- UBTVQH;
- Thủ tướng Chính phủ;
- VPTW Đảng, VPCTN, VPQH, VPCP;
- Các Bộ: Tài chính; KHĐT;
- Các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương (UBND, HĐND, ĐDBQH) theo phụ lục của Nghị quyết này;
- Lưu: HC, TCNS
- E-pas: 46895

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Mẫn



PHÂN BỐ DỰ PHÒNG CHUNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CỦA KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 CHO CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 1057 /NQ-UBTVQH5 ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Bộ, địa phương	Tổng số	Trong đó:			
			Phân bổ dự phòng chung nguồn NSTW của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trong ứng với nguồn tăng thu NSTW năm 2022		Phân bổ dự phòng nguồn NSTW của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	
			Tổng số	Trong đó: Lĩnh vực giao thông	Tổng số	Trong đó: Lĩnh vực giao thông
	Tổng số	6.389	4.689	4.689	1.700	1.700
1	Bộ Giao thông vận tải	2.989	2.989	2.989		
2	Sơn La	3.400	1.700	1.700	1.700	1.700





BỔ SUNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ PHÂN BỐ VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 CHO CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 4057 /NQ-UBTVQH15 ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Bộ, địa phương	Tổng số	Trong đó: Vốn trong nước
	Tổng số	5.457,739	5.457,739
1	Văn phòng Trung ương Đảng	7,408	7,408
2	Bộ Công an	910	910
3	Bộ Giao thông vận tải	37,69	37,69
4	Tuyên Quang	1.000	1.000
5	Lạng Sơn	500	500
6	Hải Dương	500	500
7	Quảng Trị	2,641	2,641
8	Thừa Thiên Huế	700	700
9	Quảng Ngãi	600	600
10	Bình Định	500	500
11	Tiền Giang	700	700